

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 03 - 2026
V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh

Ông Lê Quang Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, xã NA, tỉnh TH

Căn cước công dân số: 038183034450

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn K, xã NA, tỉnh TH.

Căn cước công dân số: 038084038694

Tại phiên tòa chị T và anh H đều vắng mặt. Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu về chung

sống với nhau từ năm 2002, sau đó có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào ngày 10/01/2005 do không hiểu biết pháp luật nên chị và anh H không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đến thời điểm hiện tại chị và anh H vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và cách làm ăn cư xử trong gia đình, cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến anh H thường xuyên đánh đập chửi bới xúc phạm chị. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải nổi. Đến đầu năm 2016 chị bỏ về nhà anh chị để sống, từ đó vợ chồng sống ly thân nhân nhau, trong thời gian sống ly thân chị và anh H không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Phạm Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là Phạm Mạnh T - Sinh ngày 31/03/2005. Hiện tại cháu T đã đến tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn H để trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh H không có mặt nên không có ý kiến trình bày của anh H và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 51; 53, của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H là vợ chồng. Về con chung chị T và anh H có một con chung Phạm Mạnh T - Sinh ngày 31/03/2005. Hiện tại cháu T đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với anh Phạm Văn H. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Phạm Văn H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh Phạm Văn H lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh H vẫn không có mặt mà không có lý do, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định Điều 227, Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành phân tích, động viên các bên quay về đoàn tụ và đăng ký kết hôn nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên không thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận vợ chồng. Quá trình chung sống chị T và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, thời gian sống ly thân nhau kéo dài (từ năm 2016 đến nay) như vậy hôn nhân thực tế không còn tồn tại, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng bế tắc trầm trọng. Xét thấy việc sống chung với nhau như vợ chồng giữa chị T và anh H từ năm 2016 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, điều này cũng phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với biên bản xác minh mà Tòa án tiến hành thu thập, do đó căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H có với nhau một con chung là Phạm Mạnh T - Sinh ngày 31/03/2005. Hiện tại cháu T đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn H không trình bày ý kiến về phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 51; 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số: 01/2024/NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H là vợ chồng.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H có 01 con chung Phạm Mạnh T; sinh ngày 31/03/2005. Hiện tại con chung đã đến tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0003589 ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh TH, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị T và anh H, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 10 - TH;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh

Lê Quang Tùng

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Phạm Đức Hoàn

Phạm Xuân Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Điểm

Lê Thị Ngân

Phạm Xuân Thành

